

Số: 208 /KH-SYT

An Giang, ngày 24 tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phối hợp và triển khai thực hiện Cam kết tham gia Chương trình Kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 (FP2030)

Căn cứ Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1559/QĐ-BYT ngày 01/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Kế hoạch thực hiện Cam kết tham gia Chương trình Kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 (FP2030);

Căn cứ Kế hoạch số 271/KH-UBND ngày 25/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Thực hiện Công văn số 2300/UBND-KGVX ngày 22/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phối hợp và triển khai Kế hoạch thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030.

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch phối hợp và triển khai thực hiện Cam kết tham gia Chương trình Kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 (FP2030) với các sở, ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn tỉnh với các nội dung chi tiết như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện hiệu quả Cam kết FP2030.
- Xác định nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm của các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị và các xã, phường trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

- Triển khai các nhiệm vụ bám sát nội dung Cam kết FP2030, lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch với Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình của tỉnh đến năm 2030 và các chương trình, đề án khác có liên quan tại địa phương.
- Xác định rõ trách nhiệm, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện Kế hoạch.
- Việc thực hiện các nhiệm vụ phải đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả và khả thi.
- Bảo đảm nguồn lực cho việc thực hiện Kế hoạch.

II. NỘI DUNG

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm đầy đủ, đa dạng, kịp thời, an toàn, thuận tiện, công bằng, có chất lượng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, giảm nhu cầu chưa được đáp ứng của thanh niên, vị thành niên góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại.
- Giảm 2/3 số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn so với năm 2025.
- 90% cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, bao gồm cả khu vực ngoài công lập.
- 100% cấp xã tiếp tục triển khai cung ứng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố.
- 100% cấp xã có cơ sở y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lâm sàng.
- Trên 95% cấp xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình, sử dụng biện pháp tránh thai; hệ lụy của phá thai, nhất là đối với vị thành niên, thanh niên.

2. Phạm vi, đối tượng và thời gian thực hiện

- Phạm vi: Thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh.
- Đối tượng thụ hưởng: Nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ; trong đó chú trọng vị thành niên, thanh niên.
- Đối tượng tác động: Người dân; ban, ngành, đoàn thể; cán bộ y tế, dân số; tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện.
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Tăng cường tiếp cận các biện pháp tránh thai hiện đại

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy trình chuyên môn và tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo quy định của Trung ương. Lồng ghép nội dung kế hoạch hóa gia đình vào các chương trình, chính sách về thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.
- Đẩy mạnh truyền thông, tư vấn nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại, đặc biệt đối với nam giới; ứng dụng công nghệ số trong cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Mở rộng và nâng cao chất lượng mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại cơ sở công lập, ngoài công lập và cộng đồng; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận dịch vụ công bằng, thuận lợi. Ưu tiên hỗ trợ phương tiện tránh thai và dịch vụ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, thanh niên, vị thành niên, người làm việc trên biển và đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi theo quy định.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình phù hợp cho công nhân khu công nghiệp; chủ động dự báo nhu cầu phương tiện tránh thai hằng năm để đáp ứng kịp thời.

- Nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thông qua đào tạo, cập nhật kiến thức và kỹ năng. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động sự tham gia của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong truyền thông, tư vấn, cung cấp dịch vụ và phân phối phương tiện tránh thai; khuyến khích người dân chủ động chi trả dịch vụ theo khả năng và nhu cầu.

3.2. Giảm có thai ngoài ý muốn ở vị thành niên, thanh niên

- Thu thập, cập nhật thông tin về nhu cầu sử dụng các biện pháp tránh thai của vị thành niên, thanh niên, nhất là các nhóm yếu thế, làm cơ sở xây dựng kế hoạch và tổ chức cung cấp dịch vụ phù hợp.

- Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi; tăng cường lồng ghép kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, các bệnh lây truyền qua đường tình dục và xây dựng gia đình đủ hai con theo hướng dẫn của Trung ương.

- Phát triển các dịch vụ tư vấn, cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thân thiện, phù hợp với vị thành niên, thanh niên tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập theo quy định.

- Thí điểm và nhân rộng các mô hình cung cấp dịch vụ phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng địa bàn, ưu tiên vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; khuyến khích sự tham gia của vị thành niên, thanh niên trong xây dựng và triển khai mô hình theo hướng dẫn của Trung ương.

- Nâng cao chất lượng tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; tăng cường tập huấn kỹ năng truyền thông, tư vấn cho cán bộ y tế và cộng tác viên về tình dục an toàn, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, phá thai không an toàn, dự phòng vô sinh và sức khỏe sinh sản.

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng tư vấn, quản lý đối tượng và cung cấp các biện pháp tránh thai cho đội ngũ cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

- Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cha mẹ, gia đình, nhà trường và cộng đồng về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên thông qua nhiều hình thức như hội nghị, tập huấn, truyền thông cộng đồng, câu lạc bộ và tư vấn trực tiếp.

3.3. Tăng cường chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

- củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình ở các cấp; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt ưu tiên cho khu vực miền núi, dân tộc thiểu số và các khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp có nhiều lao động trẻ.

+ Rà soát, củng cố và kiện toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, bổ sung trang thiết bị, phương tiện tránh thai và hàng hóa sức khỏe sinh sản để đảm bảo các cơ sở y tế tuyến cơ sở đủ năng lực thực hiện dịch vụ kế hoạch hoá gia đình theo quy định.

+ Nâng cao năng lực cơ sở y tế thực hiện dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, chú trọng các đơn vị khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho tuyến y tế cơ sở thực hiện dịch vụ kế hoạch hoá gia đình.

+ Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình theo hướng đảm bảo các cơ sở y tế tuyến cơ sở đủ điều kiện theo quy định được cung cấp tất cả các loại dịch vụ kế hoạch hoá gia đình.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình ở các tuyến.

+ Xây dựng kế hoạch tổng thể để phát triển và nâng cao chất lượng các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình theo các mục ưu tiên, trong đó chú trọng triển khai các dịch vụ có chất lượng cao.

+ Hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

- Thử nghiệm, phổ biến các kỹ thuật mới, hiện đại nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và tăng khả năng lựa chọn các biện pháp tránh thai cho người sử dụng sau khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương.

- Kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về công tác kế hoạch hóa gia đình thông qua các bộ công cụ đánh giá nhanh về chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại các tuyến. Xây dựng các bộ công cụ giám sát hỗ trợ cộng tác viên dân số; chất lượng phương tiện tránh thai, cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, trong đó bao gồm cả sự tôn trọng quyền lựa chọn của khách hàng và sự hài lòng của khách hàng tới chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình sau khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương.

3.4. Tăng cường cung cấp biện pháp tránh thai phi lâm sàng

- Đa dạng hóa sản phẩm phương tiện tránh thai phi lâm sàng, bảo đảm nguồn cung ổn định tại tuyến cơ sở.

- Nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng sử dụng biện pháp tránh thai phi lâm sàng cho đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố.

- Phối hợp ban ngành, đoàn thể như hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội nông dân, những người có uy tín trong cộng đồng... trong công tác tuyên truyền, vận động người dân sử dụng biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

3.5. Tăng cường cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lâm sàng tại tuyến xã

- củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình ở tuyến xã; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tuyến xã. Ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (KHHGD).

- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ KHHGD.

- + Xây dựng hệ thống chỉ tiêu, chỉ báo và chế độ báo cáo về quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ KHHGD từ tỉnh đến cơ sở. Tổ chức tập huấn cho cán bộ phụ trách quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tuyến cơ sở.

- + Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý hậu cần phương tiện tránh thai của cơ sở.

3.6. Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình, sử dụng biện pháp tránh thai

- Đa dạng hóa các loại hình truyền thông, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với nhiều hình thức phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục. Nâng cao hiệu quả của truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet, trang điện tử, mạng xã hội, điện thoại di động,... Sử dụng hợp lý các loại hình văn hóa, văn nghệ, giải trí nhằm tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi về sử dụng các biện pháp tránh thai, góp phần nâng cao chất lượng dân số cho các cá nhân và các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ. Tăng cường áp dụng công nghệ hiện đại, internet, mạng xã hội trong tuyên truyền, vận động và cung cấp dịch vụ KHHGD thông qua tăng cường, tương tác giữa người cung cấp dịch vụ và người sử dụng dịch vụ bao gồm cả cơ chế phản hồi của khách hàng nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu chất lượng dịch vụ KHHGD của người dân.

- Lồng ghép với các hoạt động truyền thông của các chương trình, kế hoạch hoạt động khác của địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn cho các cá nhân và các cặp vợ chồng để họ có thể chủ động và tự nguyện thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách Trung ương

Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 được giao (nếu có).

2. Ngân sách địa phương

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được lồng ghép trong Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 và các chương trình, đề án khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách hằng năm.

3. Ngân sách từ các nguồn hợp pháp khác (nếu có)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế (Chi cục dân số)

- Làm đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai các nội dung của Kế hoạch đã được phê duyệt; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch triển khai thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh với các nội dung của Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 và các chương trình, đề án khác có liên quan ở địa phương, nhằm bảo đảm triển khai đồng bộ, kịp thời, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 1559/QĐ-BYT ngày 01/6/2026.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan liên quan và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Hằng năm tổng hợp báo cáo lồng ghép với các hoạt động Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và các chương trình, đề án khác có liên quan để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế (Cục Dân số).

- Tổ chức tổng kết việc thực Kế hoạch triển khai thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Huế (Cam kết FP 2030) và gửi báo cáo về UBND tỉnh, Bộ Y tế (Cục Dân số) trước ngày 15/12/2030.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Y tế và các ngành liên quan cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành; bảo đảm lồng ghép với Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 và các chương trình, đề án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp từng cấp học, từng lứa tuổi cho học sinh trong các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ

thông, bảo đảm hình thành kiến thức và kỹ năng đúng đắn có hệ thống cho thế hệ trẻ.

4. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Sở Y tế lồng ghép nội dung KHHGD vào các dự án, chương trình phát triển vùng dân tộc thiểu số; phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng để vận động người dân xóa bỏ hủ tục, thực hiện KHHGD.

5. Sở Văn hóa và Thể thao

Phối hợp với Sở Y tế trong chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác truyền thông, tăng cường thời lượng, tin bài, xây dựng chuyên trang chuyên mục về các nội dung nâng cao chất lượng dân số SKSS/KHHGD.

6. Các sở, ngành liên quan

Phối hợp với Sở Y tế tham gia thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ Kế hoạch thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ đã được giao; chỉ đạo lồng ghép các nội dung tuyên truyền về dân số, chăm sóc SKSS/KHHGD vào kế hoạch hoạt động của từng cơ quan, đơn vị.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia triển khai và giám sát việc thực hiện kế hoạch.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nội dung của Kế hoạch triển khai thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 trên địa bàn. Ban hành theo thẩm quyền về hỗ trợ, khuyến khích thực hiện kế hoạch hóa gia đình; bố trí kinh phí, xác định mục tiêu về phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương trong dự toán ngân sách hằng năm đã được phân cấp theo quy định. Hằng năm tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện Cam kết FP2030 lồng ghép với các hoạt động Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và các chương trình, đề án khác có liên quan tại địa phương gửi về Sở Y tế (Chi cục Dân số).

Trên đây là kế hoạch phối hợp và triển khai thực hiện Cam kết tham gia Chương trình Kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 (FP2030)./.

Nơi nhận:

- Cục Dân số;
- UBND tỉnh;
- Thành viên BCD CT Dân số và PT;
- Lãnh đạo Sở Y tế; CCDS;
- Trung tâm Y tế;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT,ntmthu.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Chung Tấn Thịnh

